

## VĂN MẪU LỚP 12: TÂY TIẾN – QUANG DŨNG

### 5 BÀI “PHÂN TÍCH KHỔ THƠ CUỐI TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN CỦA QUANG DŨNG”

#### BÀI MẪU SỐ 1:

Khổ cuối bài thơ, âm điệu trở nên tha thiết sâu lắng, bồi hồi. Vẫn là tiếng lòng rung lên theo hoài niệm. Biết bao thương nhớ khôn nguôi:

*"Tây Tiến người đi không hẹn ước  
Đường lên thăm thẳm một chia phôi  
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi".*

Mùa xuân ấy, khi "Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông" (Hồ Chí Minh), đoàn binh Tây Tiến xuất quân. Họ đã tiến ra sa trường với lời hẹn ước: "Nhất khứ bất phục hoàn". Đó là lời thề, là quyết tâm của cả một thế hệ "Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh". Các anh đã giã biệt quê hương. Những ai còn ai mất sau những tháng ngày đầy máu lửa? Bạn bè, đồng đội thân yêu, những ai đó "Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi". Nhưng quê hương vẫn đời đời ôm ấp bóng hình anh, người chiến sĩ trong binh đoàn Tây Tiến. Bài thơ đã khép lại mà âm điệu của nó vẫn bồi hồi vang vọng trong tâm hồn ta. Có những bài thơ một thời nhưng cũng có một số bài thơ mãi mãi. Thơ hay không có tuổi cũng như mùa xuân không ngày tháng. Đó là "Đèo Cỏ" của Hữu Loan, là "Nhớ" của Hồng Nguyên, "Đồng chí" của Chính Hữu, "Tây Tiến" của Quang Dũng, và...

"Tây Tiến" là một trong những bài thơ hay nhất viết về người chiến sĩ cầm súng bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu cho thơ ca Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp. Với bút pháp lãng mạn, với cốt cách tài hoa, phong độ hào hùng của nhà thơ - chiến sĩ, Quang Dũng đã khắc chạm vào thời gian, vào thơ ca và lòng người hình ảnh người chiến sĩ vô danh Thăng Long - Hà Nội, của dân tộc Việt Nam anh hùng. Trước linh hồn người liệt sĩ, ta thấp lùn nén tâm hương, nghiêng mình với tình cảm biết ơn và kính phục nhà thơ và những chiến sĩ vinh quang trong đoàn binh Tây Tiến.

## BÀI MẪU SỐ 2:

### 1. Mở bài:

- Giới thiệu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời.
- Qua nỗi nhớ da diết của nhà thơ về đồn quân Tây Tiến, ta thấy hiện lên hình ảnh người chiến sĩ: gan dạ, dũng cảm, không sờn lòng trước những khó khăn gian khổ; chiến đấu kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng và lúc nào cũng phơi phới lạc quan.
- Đây là bốn câu kết bài thơ (ghi bốn câu thơ) được viết theo những dòng chữ ghi vào mộ chí. Đó cũng là lời thề quyết tâm của các chiến sĩ Tây Tiến “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

### 2. Thân bài:

#### a. Hai câu đầu: “Tây Tiến người đi..... chia phôi”

- Người chiến sĩ ra đi với quyết tâm sắc đá, có chí lớn, quyết lập được chiến công như người chiến sĩ trong bài thơ “Tống biệt hành” của Thâm Tâm:

*“Li khách! Li Khách con đường nhỏ  
Chí nhón chưa về bàn tay không  
Thì không bao giờ nói trở lại  
Ba năm mẹ già cũng đừng mong”*

- “Không hẹn ước”, rồi lại “thăm thẳm một chia phôi”, Quang Dũng khẳng định cái ý niệm “Nhất khứ bất phục hoàn” trong hình ảnh người chiến sĩ Tây Tiến cũng là cái ý niệm của chung cả một thời kì, một thế hệ con người. Đã nói nhiều đến Tây Tiến, đã nhắc lại nhiều kỉ niệm Tây Tiến, nhưng cuối cùng cái đọng lại sâu sắc nhất bền vững nhất về Tây Tiến vẫn là cái tinh thần ấy, Giọng thơ trầm, chậm, hơi buồn nhưng ý thơ thì vẫn hào hùng.

#### b. Câu 3 “ Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy”.

##### Mùa xuân:

- + Thời điểm thành lập đoàn quân Tây Tiến
- + Mùa xuân của đất nước
- + Mùa xuân (của tuổi trẻ) đời của các chiến sĩ đã trở thành cái thời điểm một đi không trở lại của lịch sử nước nhà. Sẽ không bao giờ còn có lại cái thuở và thiếu thốn đến đường ấy nhưng cũng lãng mạn và hào hùng đến đường ấy.

#### c. Câu 4 : “Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”:

- “Chẳng về xuôi” nghĩa là bỏ mình trên đường hành quân.
- “Hồn về Sầm Nứa” chí nguyện của các chiến sĩ là sang nước bạn hợp đồng tác chiến với quân dân Lào chống Pháp, họ quyết tâm thực hiện lí tưởng ấy đến cùng. Cho nên, dù ngã xuống trên đường hành quân, nhưng hương hồn (anh linh) vẫn đi cùng đồng đội, sống trong lòng đồng đội. Tứ thơ này nâng chất sử thi của bài thơ.

- 3. Kết bài: Đó là hình ảnh người chiến sĩ gan dạ, dũng cảm, không sờn lòng.... Đến lúc chết vẫn giữ lời thề, họ là những người đau thương mà không bi lụy, mất mát mà vẫn tràn đầy niềm tin.

Bốn câu thơ kết thúc được viết như những dòng chữ ghi vào mộ chí. Những dòng sông ấy cũng chính là lời thề của các chiến sĩ vệ quốc quân.

*“Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy”*

“Mùa xuân” có thể được dùng nhiều nghĩa: thời điểm thành lập đoàn quân Tây Tiến (mùa xuân 1947), mùa xuân của đất nước, mùa xuân (tuổi thanh xuân) của đời các chiến sĩ.

Hình ảnh “Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”, “chẳng về xuôi” bỏ mình trên đường hành quân “Hồn về Sầm Nứa”: chí nguyện của các chiến sĩ là sang nước bạn hợp đồng tác chiến với quân tình nguyện Lào chống thực dân Pháp, thực hiện lý tưởng đến cùng. Bởi vậy dù đã ngã xuống trên đường hành quân hồn (tinh thần của các anh) vẫn đi cùng với đồng đội, vẫn sống trong lòng đồng đội: Vang vọng âm hưởng văn tế của Nguyễn Đình Chiểu: “Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc”.

**BÀI MẪU SỐ 3:**

Bài thơ “Tây Tiến” là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Quang Dũng mà người đọc ấn tượng nhất. Bài thơ viết năm 1948. Cảm xúc bao trùm toàn bộ bài thơ là một nỗi nhớ. Qua nỗi nhớ ấy, hình ảnh núi rừng Tây Bắc hùng vĩ hiểm trở và dữ dội hiện lên như một bức tranh hoành tráng. Và trong bài thơ, ông cũng không quên lột tả trần trụi những gian khổ hi sinh của người lính Tây Tiến. Chỉ có điều nó thể hiện bằng một ngòi bút lãng mạn. Qua cái nhìn của nhà thơ, cái bi bỗng trở trở thành cái hùng tráng. Khổ cuối bài thơ cũng rất đặc sắc, gói gọn tình cảm của nhà thơ vào những câu chữ:

*“Tây Tiến người đi không hẹn ước  
Đường lên thăm thẳm một chia phôi  
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”*

Thật vậy, đoàn binh Tây Tiến mang trên mình xứ mệnh bảo vệ quê hương tổ quốc. Họ luôn dốc toàn bộ sức lực của mình. Họ hàng ngày vẫn phải chiến đấu ác liệt với kẻ thù nguy hiểm, họ còn phải quật cường trước thiên nhiên hiểm trở với những căn bệnh sốt rét, đói nhưng họ vẫn oai nghiêm hùng dũng vượt lên trên tất cả. Họ là bức tượng cho tinh thần yêu nước vĩ đại, quyết chiến quyết thắng. Trước khi lên đường tham gia chiến đấu, họ chỉ là những cô cậu sinh viên hà thành với tuổi đời còn rất trẻ, họ có hoài bão ước mơ. Khi tổ quốc gọi, họ sẵn sàng bỏ lại sau lưng tất cả lên đường cầm súng chiến đấu với tinh thần quả cảm. Họ biết ranh giới giữa sự sống và cái chết mong manh như sợi chỉ có thể biến mất bất cứ lúc nào. Họ lên đường chiến đấu, ra đi không hẹn ngày trở về. Họ trao mạng sống của mình cho Tổ quốc – nơi đã sinh ra họ.

Ở nơi rừng thiêng nước độc, mỗi bước chân hành quân của họ đều rất khó khăn, nhiều gian truân. Họ vẫn đi, họ vượt qua dốc đèo hiểm trở, họ bỏ lại những bản làng khuất dần sau rặng tre:

*“Đường lên thăm thẳm một chia phôi”*

Do hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt có **bao** nhiêu gian khổ thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần nên hành trình chiến đấu của họ dai dẳng không có hồi kết. Vì vậy một tia hi vọng trở về là rất mong manh, ngày càng xa xôi khó nắm bắt được trong vô vọng. Trong bối cảnh lịch sử là cuộc chiến tranh kháng chiến chống Pháp, với sự đơn sơ về vũ khí của ta, sự nghèo nàn về vật chất khác nào lấy trứng chọi với đá. Vì vậy sự hi sinh là không thể tránh khỏi. Họ phải vì nước quên thân vì dân phục vụ, hi sinh tính mạng mình để đổi lấy độc lập tự do cho dân tộc. Bao nhiêu thế hệ trẻ cầm súng lên đường chiến đấu chỉ với khẩu hiệu giản dị “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Họ cống hiến, họ hi sinh thầm lặng cho Tổ quốc không một lời kêu ca hay phàn nàn mà đó là bổn phận, là trách nhiệm nghĩa vụ của một người công dân yêu nước nồng nàn, có ý chí chiến đấu tinh thần thép cao cả. Hai câu thơ đã lột tả ý chí chiến đấu quật cường ấy, làm nổi bật lên phẩm chất yêu nước anh hùng của họ.

Với nghệ thuật dùng từ “không hẹn ước”, “chia phôi” kết hợp với giọng điệu chậm rãi nhẹ nhàng, Quang Dũng như lần nữa khắc họa sự hi sinh thầm lặng mà cao cả của đoàn quân Tây Tiến. Nỗi nhớ trào dâng trong lòng nhà thơ để ông tiếp tục chấp bút tô vẽ nên:

*“Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”*



Có thể thấy “mùa xuân” có nhiều nghĩa. Đó là mùa đẹp nhất trong năm. Đây cũng là thời điểm thành lập đoàn quân Tây Tiến. Mùa xuân còn là mùa của đất nước. Nó cũng ẩn dụ cho tuổi trẻ của người chiến sĩ đã một đi không trở lại. Họ mang theo sức trẻ nhiệt huyết cháy bỏng của mình lên đường hành quân chiến đấu. Tuy nhiên, họ đã hi sinh nhưng hồn của họ không về quê hương vợ mà vẫn còn lượn lờ sang nước bạn hợp lực tác chiến với quân dân Lào chống Pháp. Họ quyết tâm thực hiện lí tưởng đến cùng nên kể cả khi họ đã ngã xuống nhưng hồn của họ vẫn chiến đấu tới cùng, vẫn đi cùng đồng đội, sống trong lòng họ mãi mãi. Đó cũng mang tính sử thi cao. Cả tuổi trẻ của họ chỉ với mục tiêu chiến đấu bảo vệ tổ quốc. họ vẫn rong ruổi chiến đấu trên suốt cuộc hành trình khó khăn ấy của mình. Phải chăng tình yêu quê hương đất nước của họ sâu đậm thấm nhuần vào máu thịt đến nhường nào mới có thể bất diệt như vậy?

Tóm lại, với giọng điệu trữ tình đậm thấm da diết, bốn câu thơ cuối được viết như những dòng chữ tạc trên bia mộ của những người chiến sĩ gan dạ Tây Tiến. Đó là hình ảnh những người chiến sĩ dũng cảm, nhiệt huyết, đến lúc ngã xuống vẫn giữ trọn lời thề với quê hương tổ quốc. Họ là những con người đau thương nhưng không bi lụy, tràn đầy niềm tin và tinh thần sôi sục nhiệt huyết căng tràn sức sống của tuổi trẻ. Tây Tiến xứng đáng là bài thơ tuyệt vời của Quang Dũng góp nhặt để lại cho thế hệ sau.

**BÀI MẪU SỐ 4:****MỞ BÀI:**

Mọi cuộc chiến tranh rồi sẽ qua đi, bụi thời gian có thể phủ dày lên hình ảnh của những anh hùng vô danh nhưng văn học với sứ mệnh thiêng liêng của nó đã khắc tạc một cách vĩnh viễn vào tâm hồn người đọc hình ảnh những người con anh hùng của đất nước đã ngã xuống vì nền độc lập của Tổ quốc trong suốt trường kỳ lịch sử. ở trong thơ Quang Dũng cũng đã dựng lên một bức tượng đài bất tử như vậy về người lính cách mạng trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược nước ta. Đó là bức tượng đài đã làm cho những người chiến sĩ yêu nước từng ngã xuống trong những tháng năm gian khổ ấy bất tử cùng thời gian

“Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc – Quân xanh màu lá dữ oai hùm – Mắt trừng gửi mộng qua biên giới – Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm – Rải rác biên cương mồ viễn xứ – Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh – áo bào thay chiếu anh về đất – Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

**THÂN BÀI**

“Tây Tiến” của Quang Dũng là dòng hồi ức vô cùng thương nhớ về những đồng đội của nhà thơ, những người đã từng sống, từng chiến đấu nhưng cũng có người đã hy sinh, những người đã trở về với đất mẹ yêu thương, nhưng đâu sao đó cũng là những người mãi mãi nằm lại nơi biên cương hay miền viễn xứ. Chính vì thế QDũng không chỉ dựng lại cả một hình ảnh của đoàn binh Tây Tiến trên những chặng đường hành quân gian khổ hy sinh mà “đời vẫn cứ tươi” như ở 14 dòng thơ đầu tiên. Và QDũng cũng không chỉ khắc tạc hình ảnh của những người lính với một đời sống tình cảm hết sức phong phú, những tình cảm lớn lao là tình quân dân. QDũng đã đặc biệt quan tâm tới ý tưởng dựng tượng đài người lính Tây Tiến trong tác phẩm của mình. Nhà thơ đã sử dụng hệ thống ngôn ngữ giàu hình ảnh, hàng loạt những thủ pháp như tương phản, nhân hoá, tăng cấp ý nghĩa để tạo ấn tượng mạnh để khắc tạc một cách sâu sắc vào tâm trí người đọc hình ảnh những người con anh hùng của đất nước, của dtộc. Đó là bức tượng đài sừng sững giữa núi cao sông sâu, giữa một không gian hùng vĩ như chúng ta đã thấy trong các câu thơ

*“Tây Tiến đoàn quân ..... khúc độc hành”*

Bức tượng đài người lính Tây Tiến trước hết được khắc hoạ lên từ những đường nét nhám tô đậm cuộc sống gian khổ của họ. Nếu như ở những đoạn thơ trước đó người lính mới chỉ hiện ra trong đoàn quân mỗi trong câu:

*“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”*

hay trong khung cảnh hết sức lãng mạn trong đêm liên hoan, đêm lửa trại thắm tình cá nước thì ở đây là hình ảnh đoàn binh không mọc tóc da xanh như lá rừng. Cảm hứng chân thực của QDũng đã không né tránh việc mô tả cuộc sống gian khổ mà người lính phải chịu đựng. Những cơn sốt rét rừng làm tóc họ không thể mọc được (chứ không phải họ cố tình cạo trọc để đánh giáp lá cà cho dễ như nhiều người từng nói). Cũng vì sốt rét rừng mà da họ xanh như lá cây (chứ không phải họ xanh màu lá nguy trang), vẻ ngoài dường như rất tiêu tụy. Nhưng thế giới tinh thần của người lính lại cho thấy họ chính là những người chiến binh anh hùng, họ còn chứa đựng cả một sức mạnh áp đảo quân thù, họ dũng mãnh như hổ báo, hùm beo. Cái giỏi của QDũng là mô tả người lính với những nét khắc khổ tiêu tụy nhưng vẫn gọi ra âm hưởng rất hào hùng của cuộc sống. Bởi vì câu thơ “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc” với những thanh trắc rơi vào trọng âm đầu của câu thơ như “tiến”, “mọc tóc”. Nhờ những





thanh trắc ấy mà âm hưởng của câu thơ vút lên. Chẳng những thế, họ còn là cả một đoàn binh. 2 chữ “đoàn binh” âm Hán Việt đã gợi ra một khí thế hết sức nghiêm trang, hùng dũng. Và đặc biệt hai chữ “Tây Tiến” mở đầu câu thơ không chỉ còn là tên gọi của đoàn binh nữa, nó gợi ra hình ảnh một đoàn binh dù đầu không mọc tóc vẫn đang quả cảm tiến bước về phía Tây. Thủ pháp tương phản mà QDũng sử dụng ở câu thơ “Quân xanh màu lá dữ oai hùm” không chỉ làm nổi bật lên sức mạnh tinh thần của người lính mà còn thấm sâu màu sắc văn hoá của dân tộc. ở đây, nhà thơ không chỉ muốn nói rằng những người lính Tây Tiến như chúa sơn lâm, không phải muốn “động vật hoá” người lính Tây Tiến mà muốn nói tới sức mạnh bách chiến bách thắng bằng một hình ảnh quen thuộc trong thơ văn xưa. Phạm Ngũ Lão cũng ca ngợi người anh hùng vệ quốc trong câu thơ

*“Hoành sóc giang san cáp kỷ thu – Tam quan kỳ hổ khí thôn ngưu”*

Và ngay cả Hồ Chí Minh trong “Đăng sơn” cũng viết

*“Nghĩa binh tráng khí thôn ngưu đầu – Thế diện sài long xâm lược quân”*

Có thể nói QDũng đã sử dụng một mô típ mang đậm màu sắc phương Đông để câu thơ mang âm vang của sử, hình tượng người lính cách mạng gắn liền với sức mạnh truyền thống của d tộc. Đọc câu thơ: “Quân xanh màu lá dữ oai hùm” ta như nghe thấy âm hưởng của một hào khí ngút trời Đông á.

Hình tượng người lính Tây Tiến bỗng nhiên trở nên rất đẹp khi QDũng bổ sung vào bức tượng đài này chất hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn họ

*“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới – Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”*

Trước hết đó là một vẻ đẹp tâm lòng luôn hướng về T quốc, hướng về Thủ đô. Người lính dẫu ở nơi biên cương hay viễn xứ xa xôi mà lòng lúc nào cũng hướng về HNội. Ta bỗng nhớ đến câu thơ của Huỳnh Văn Nghệ:

*“Tù thuở mang gươm đi mở nước – Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long”*

Người lính Tây Tiến dẫu “mắt trừng gửi mộng qua biên giới” mà niềm thương nỗi nhớ vẫn hướng về một “dáng kiều thơm”. Đã một thời, với cái nhìn ấu trĩ, người ta phê phán thói tiểu tư sản, thực ra nhờ vẻ đẹp ấy của tâm hồn mà người lính có sức mạnh vượt qua mọi gian khổ, người lính trở thành một biểu tượng cho vẻ đẹp của con người Việt Nam. QuDũng đã tạo nên một tương phản hết sức đặc sắc – những con người chiến đấu kiên cường với ý chí sắt thép cũng chính là con người có một đống tâm hồn phong phú. Người lính Tây Tiến không chỉ biết cầm súng cầm gươm theo tiếng gọi của non sông mà còn rất hào hoa, giữa bao nhiêu gian khổ, thiếu thốn trái tim họ vẫn rung động trong một nỗi nhớ về một dáng kiều thơm, nhớ về vẻ đẹp của Hà Nội – Thăng Long xưa.

Bức tượng đài người lính Tây Tiến đã được khắc tạc bằng những nguồn ánh sáng tương phản lẫn nhau, vừa hiện thực vừa lãng mạn. Từng đường nét đều như nổi bật và tạo được những ấn tượng mạnh mẽ. Đây cũng là đặc trưng của thơ QDũng.

Nếu như ở 4 câu thơ trên, người lính Tây Tiến hiện ra trong hình ảnh một đoàn binh với những bước chân Tây tiến vang dội khí thế hào hùng và một thế giới tâm hồn hết sức lãng mạn thì ở đây bức tượng đài người lính Tây Tiến được khắc tạc bằng những đường nét nổi bật về sự hy sinh của họ. Nếu chỉ đọc từng câu thơ, chỉ phân tích từng hình ảnh riêng rẽ độc lập, người ta dễ cảm nhận một cách bi lụy về cái chết của người lính mà thơ ca kháng chiến thuở ấy rất ít khi nói đến. Bởi thơ ca kháng chiến phần lớn chỉ quan tâm đến cái hùng mà không quan tâm đến cái bi. Nhưng nếu đặt các hình ảnh, các câu thơ vào trong chỉnh thể của nó, ta sẽ hiểu QDũng đã mô tả một cách chân thực sự hy

sinh của người lính bằng cảm hứng lãng mạn, hình tượng vì thế chẳng những không rơi vào bi lụy mà còn có sức bay bổng.

Có thể thấy câu thơ: “Rải rác biên cương mồ viễn xứ” nếu tách riêng ra rất dễ gây cảm giác nặng nề bởi đó là câu thơ nói về cái chết, về nấm mồ của người lính Tây Tiến ở nơi “viễn xứ”. Từng chữ từng chữ dường như mỗi lúc một nhấn thêm nốt nhạc buồn của khúc hát hồn tử sĩ. Chẳng phải thế sao? Nói về những nấm mồ, lại là những nấm mồ “rải rác” để gợi sự hoang lạnh, lại là “rải rác” nơi “viễn xứ”, những nấm mồ ấy càng gợi sự cô đơn cô cút. QĐŭng muốn nói tới nơi yên nghỉ của những người đồng đội

*“Anh bạn dãi dầu không bước nữa – Gục lên súng mũ bỏ quên đời”*

Trong Chinh phụ ngâm:

*“Hồn tử sĩ gió về ù ù thổi – Mặt chinh phu trăng rõi rõi soi – Chinh phu tử sĩ mấy người –  
Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn”*

Tuy nhiên với câu thơ thứ hai, ta lại thấy hình ảnh những nấm mồ rải rác nơi biên cương đã trở về với sự âm cúng của niềm biết ơn của nhân dân, của đất nước. Bởi đó chính là nấm mồ của những người con anh dũng

*“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”*

Đồng thời cũng chính câu thơ thứ 2 đã làm cho những nấm mồ rải rác kia được nâng lên những tầng cao của đài tưởng niệm, của Tổ quốc đối với người lính đã vì tiếng gọi của chiến trường mà hiến dâng tuổi xanh của mình. Trong thơ QĐŭng luôn là một sự nâng đỡ nhau của nhiều hình ảnh như vậy.

Sự hy sinh của người lính còn được tráng lệ hoá trong câu

thơ *“áo bào thay chiếu anh về đất”*

Bao nhiêu thương yêu của QĐŭng trong một câu thơ như vậy về một đồng đội của mình. Ai bảo QĐŭng không xót thương những người đồng đội của mình ra đi trong cách tiễn đưa ấy, cảnh tiễn đưa với bao thiếu thốn, khó khăn, cái thuờ những người lính Tây Tiến chết vì sốt rét nhiều hơn chết vì chiến trận. Lại trong cảnh kháng chiến còn rất khó khăn nên tiễn đưa người chết không có cả một chiếc quan tài. Hoàng Lộc trong “Viếng bạn” cũng đã viết về cảnh tiễn đưa như thế

*“ở đây không manh ván – Chôn anh bằng tấm chăn – Cửa đồng bào Cửa Ngàn – Tặng tôi ngày sơ tán”*

Chỉ có điều câu thơ của QĐŭng không dừng lại ở mức tả thực mà đẩy lên thành cảm hứng tráng lệ, coi chiếu là áo bào để cuộc tiễn đưa trở nên trang nghiêm, cổ kính. Cũng có người hiểu đến chiếc chiếu cũng không có, chỉ có chính tấm áo của người lính. Dù hiểu theo cách nào thì cũng phải thấy QĐŭng đã tráng lệ hoá cuộc tiễn đưa bi thương bằng hình ảnh chiếc áo bào và sự hy sinh của người lính đã được coi là sự trở về với đất nước, với núi sông. Cụm từ “anh về đất” nói về cái chết nhưng lại bất tử hoá người lính, nói về cái bi thương nhưng lại bằng hình ảnh tráng lệ. Mạch cảm xúc ấy đã dẫn tới câu thơ đầy tính chất tráng ca

*“Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

## KẾT BÀI

Từ sự kết hợp một cách hài hoà giữa cái nhìn hiện thực với cảm hứng lãng mạn, QĐŭng đã dựng lên bức chân dung, một bức tượng đài người lính cách mạng vừa chân thực vừa có sức khái quát, tiêu biểu cho vẻ đẹp sức mạnh dân tộc ta trong thời đại mới, thời đại cả dân tộc đứng lên làm cuộc kháng

chiến vệ quốc thần kỳ chống thực dân Pháp. Đó là bức tượng đài được kết tinh từ âm hưởng bi tráng của cuộc kháng chiến ấy. Đó là bức tượng đài được khắc tạc bằng cả tình yêu của QĐũng đối với những người đồng đội, đối với đất nước của mình. Vì thế từ bức tượng đài đã vút lên khúc hát ngợi ca của nhà thơ cũng như của cả đất nước về những người con anh hùng ấy.

## BÀI MẪU SỐ 5:

I. Mở bài: Quang Dũng (1921-1988) là nghệ sĩ đa tài, có hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa, đặc biệt khi ông viết về những người lính Tây Tiến và xứ Đoài quê mình. - Tây Tiến là bài thơ xuất sắc nhất, tiêu biểu cho đời thơ, phong cách sáng tác của ông. - Bài thơ bằng bút pháp lãng mạn, sự sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu đã bộc lộ một nỗi nhớ sâu sắc da diết của tác giả về những người lính Tây Tiến anh dũng hào hoa và núi rừng miền Tây hùng vĩ, mỹ lệ. Có thể nói, nỗi nhớ da diết những người đồng đội Tây Tiến của Quang Dũng được lắng đọng trong tám câu thơ khắc họa bức chân dung người lính Tây Tiến: Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm Mắt trừng gửi mộng qua biên giới. Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh Áo bào thay chiếu anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

### II. Thân bài

1. Giới thiệu Bài thơ Tây Tiến được in trong tập thơ “Mây đầu ô” (xuất bản năm 1986) nhưng trước đó đã được bao thế hệ người yêu thơ truyền tay tìm đọc. Tác giả sáng tác bài thơ này từ năm 1948 tại làng Phù Lưu Chanh khi ông đã rời khỏi đoàn quân Tây Tiến chuyển sang hoạt động tại một đơn vị khác. Đơn vị quân đội Tây Tiến được thành lập năm 1947 có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt Lào, đánh tiêu hao sinh lực Pháp tại Thượng Lào và miền Tây Bắc bộ Việt Nam. Địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng; chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, có nhiều học sinh, sinh viên, trong đó có Quang Dũng. Họ sống và chiến đấu trong hoàn cảnh gian khổ, thiếu thốn, bệnh sốt rét hoành hành nhưng vẫn lạc quan và chiến đấu anh dũng. Hoạt động được hơn một năm thì đơn vị Tây Tiến trở về Hoà Bình thành lập trung đoàn 52. Lúc đầu, nhà thơ đặt tên tác phẩm là Nhớ Tây Tiến, nhưng sau đó lại đổi lại là Tây Tiến. Bài thơ được sáng tác dựa trên nỗi nhớ, hoài ức, kỉ niệm của Quang Dũng về đơn vị cũ. Thế nên toàn bài thơ là một nỗi nhớ còn cào, tha thiết. Bài thơ được tác giả chia thành 4 đoạn. Đoạn 1 bộc lộ nỗi nhớ những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội, hoang sơ. Đoạn 2 là những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong những đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng. Đoạn 3 tái hiện lại chân dung người lính Tây Tiến. Đoạn 4 là lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây. Toàn bài thơ in đậm dấu ấn tài hoa, lãng mạn, phóng khoáng của hồn thơ Quang Dũng. Với tài năng và tâm hồn ấy, Quang Dũng đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng trên cái nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, mỹ lệ.

2. Phân tích chân dung người lính Tây Tiến. Nhớ Tây Tiến, Quang Dũng không chỉ nhớ núi rừng mà còn nhớ những người đồng đội cùng trèo đèo lội suối, vượt qua muôn ngàn thử thách, vào sinh ra tử. Nhà thơ đã hồi tưởng và vẽ lại bức chân dung của họ với vẻ đẹp đậm chất bi tráng. Quang Dũng đã chọn lọc những nét tiêu biểu nhất của những người lính Tây Tiến để tạc nên bức tượng đài tập thể, khái quát được gương mặt chung của cả đoàn quân. Người lính ấy phải sống trong điều kiện sinh hoạt, chiến đấu thiếu thốn nên: “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm” Hai câu thơ đã đề cập đến một hiện thực, đó là căn bệnh sốt rét hiểm nghèo mà người lính thường mắc phải. Nhà thơ Chính Hữu trong bài Đồng chí cũng đề cập đến căn bệnh này: “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh-Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi”. Quang Dũng trong bài thơ cũng không che giấu những gian khổ, khó khăn, căn bệnh quái ác đó và sự hi sinh lớn lao của người lính tây tiến,



nhưng hiện thực nghiệt ngã ấy lại được nhìn qua một tâm hồn lãng mạn. Những cái đầu cạo trọc để thuận lợi cho việc đánh giáp lá cà, những cái đầu bị rụng tóc, vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua cái nhìn của Quang Dũng lại trở nên oai phong, dữ dằn,凛冽 như những con hổ chốn rừng thiêng. Những người lính ấy một mặt đầy oai hùng, một mặt lại rạo rức tình yêu thương : “ Mất tròng gửi mộng qua biên giới Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Các chàng trai Tây Tiến với đôi mắt thao thức “trùng” lên quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ nhưng trái tim vẫn để dành chỗ cho những dáng kiều thơm chốn Hà thành, những người em, những người bạn gái thân thương quê nhà. Quang Dũng với cái nhìn nhiều chiều, đã khắc họa chân dung người lính không chỉ ở dáng vẻ bên ngoài mà còn thể hiện được thế giới nội tâm, tâm hồn mộng mơ lãng mạn, phong phú của họ . Trong chiến tranh, mất mát hi sinh là không tránh khỏi. Quang Dũng đã nêu lên hiện thực này không che giấu theo cách riêng của ông : “ Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Những từ Hán Việt cổ kính, trang trọng: “ biên cương” , “ mồ” , “viễn xứ” , “ chiến trường” kết hợp với từ láy “ rải rác” đã làm giảm nhẹ yếu tố bi thương, làm những đau thương vì mất mát lắng xuống. Điều nổi bật lên là vẻ đẹp lãng mạn của lí tưởng quên mình, xả thân vì Tổ quốc của những người lính Tây Tiến. Cách nói “ chẳng tiếc đời xanh” vang lên khẳng khái khẳng định vẻ đẹp hào hùng của các chàng trai Tây Tiến. Hai câu thơ : “ Áo bào thay chiếu anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành” . Nhắc đến một sự thật bi thảm: những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường hành quân chiến đấu không có đến cả manh chiếu bó thân, qua cái nhìn của Quang Dũng lại được bọc trong những tấm áo bào sang trọng mang dáng dấp của những tráng sĩ oai hùng thuở xưa, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Cách nói giảm “ anh về đất” làm vơi đi cái bi thương, rồi cái bi ấy bị lấn át hẳn đi trong tiếng gầm thét dữ dội của sông Mã . Quang Dũng đã mượn âm thanh của dòng sông, của thiên nhiên, của hồn thiêng Tây Bắc để nói lời từ biệt, lời biết ơn ngợi ca đồng đội. Câu thơ mang âm hưởng vừa dữ dội , vừa hào hùng khiến cho sự hi sinh của người lính không hề bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Bài thơ khép lại bằng bốn câu thơ có nhịp điệu chậm, giọng thơ buồn, nhưng linh hồn của đoạn thơ vẫn toát lên vẻ hào hùng. Quang Dũng và cả đoàn quân Tây Tiến nguyện thề “ Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi” thể hiện quyết tâm gắn bó máu thịt với những ngày những nơi mà đoàn quân đã đi qua. Tây Tiến mùa xuân ấy đã trở thành một thời điểm một đi không trở lại của lịch sử. Lịch sử dân tộc sẽ không bao giờ lặp lại cái thời mơ mộng, lãng mạn hào hùng đến nhường ấy trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, khốc liệt đến như vậy .

III. Kết bài Đoạn thơ thứ ba có giọng điệu chủ đạo là trang trọng, thể hiện tình cảm đau thương vô hạn và sự trân trọng, kính cẩn của nhà thơ trước sự hy sinh của đồng đội. Đoạn thơ với, cảm hứng lãng mạn, ngòi bút sắc sảo, táo bạo, trên nền hiện thực nghiệt ngã đã chạm khắc chân dung tập thể những người lính Tây tiến đậm chất bi tráng. Quang Dũng qua khổ thơ này đã bộc lộ sâu sắc sự gắn bó, ám ảnh, ghi nhớ hình ảnh về đồng đội những ngày gian khổ nơi núi rừng miền tây.

Sưu tầm: Mod Ngữ văn HỌC247